

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

I. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ

Việc tiếp tục bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của SeABank trong giai đoạn hiện nay, là cơ sở để SeABank tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động, thúc đẩy quá trình phát triển, tăng cường năng lực tài chính và đáp ứng những nhu cầu sau:

1. Tăng năng lực tài chính của Ngân hàng thông qua việc nâng cao giá trị thực của vốn điều lệ so với mức vốn pháp định, giúp SeABank đứng vững trước những biến động của thị trường.
2. Tạo điều kiện đẩy mạnh kinh doanh và đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng:
 - Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh;
 - Nâng cao các chỉ số an toàn của SeABank;
 - Nâng cao hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/ nhóm khách hàng;
 - Nâng cao khả năng thanh khoản của SeABank;
 - Tăng cường dự phòng rủi ro của SeABank theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong năm 2022 và giai đoạn 2021-2025;
 - Nâng tỷ trọng đầu tư trung dài hạn.
3. Tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng: Nâng tỷ trọng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động Ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.
4. Tăng khả năng tài chính để mở rộng và phát triển mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch của SeABank.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

1. Mức tăng vốn điều lệ:

- Mức vốn điều lệ hiện tại: 16.598.000.000.000 đồng.
- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 6.092.000.000.000 đồng (Sáu nghìn không trăm chín mươi hai tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần tăng thêm: 609.200.000 cổ phần (Sáu trăm linh chín triệu hai trăm nghìn cổ phần).
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần).
- Tổng mệnh giá phát hành: 6.092.000.000.000 đồng (Sáu nghìn không trăm chín mươi hai tỷ đồng).
- Tỷ lệ vốn phát hành thêm trên vốn điều lệ hiện tại: 36,7032%
- Mức vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 22.690.000.000.000 đồng, tương đương 2.269.000.000 cổ phiếu.



2. Phương án tăng vốn điều lệ

Phù hợp với chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, SeABank sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án sau:

2.1 Cấu phần 1: Phương án phát hành 211.400.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành 109.700.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (“Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu”)

- a. Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 321.100.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức: 211.400.000 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 109.700.000 cổ phiếu.
- c. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 3.211.000.000.000 đồng (*Ba nghìn hai trăm mười một tỷ đồng*), trong đó:
 - Giá trị phát hành để trả cổ tức theo mệnh giá dự kiến: 2.114.000.000.000 đồng;
 - Giá trị phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo mệnh giá dự kiến: 1.097.000.000.000 đồng.
- d. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 19.809.000.000.000 đồng (*Mười chín nghìn tám trăm linh chín tỷ đồng*)
- e. Tỷ lệ phát hành (*số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành*):
 - Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 12,7364%
 - Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 6,6092%
- f. Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- g. Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định.
- h. Nguồn vốn thực hiện:
 - Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán. (*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán là 2.212.116 triệu đồng. Trong đó, số tiền dự kiến tối đa có thể sử dụng sau đã trích lập các quỹ là 2.117.469 triệu đồng*)
 - Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC riêng năm 2021 đã kiểm toán cụ thể:

+ Sử dụng Thặng dư vốn cổ phần: 810.000 triệu đồng;

+ Sử dụng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 287.000 tỷ đồng

(Theo BCTC riêng năm 2021 đã kiểm toán, Thặng dư vốn cổ phần là 810.623 triệu đồng và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ tại 31/12/2021 là 287.615 triệu đồng).

- i. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phần phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.
- j. Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ: Toàn bộ số cổ phần lẻ phát sinh khi thực hiện quyền (gồm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) được giao cho Công đoàn SeABank Hội sở quản lý để làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên của SeABank theo chính sách nhân sự trong từng thời kỳ.
- k. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Không có
- l. Thời điểm phát hành: Trong năm 2022, phù hợp với quy định của pháp luật. SeABank sẽ thực hiện chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu đồng thời với thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Người lao động mua cổ phiếu phát hành theo Phương án phát hành ESOP năm 2022 (Cấu phần 2 - Mục 2.2) và Nhà đầu tư mua cổ phiếu trong đợt chào bán riêng lẻ (Cấu phần 3 - Mục 2.3) không được hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- m. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2022, phù hợp với quy định của pháp luật.
- n. Đại hội đồng cổ đông giao và HĐQT có trách nhiệm thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không hạn chế:
 - Quyết định thời điểm thực hiện chốt danh sách cổ đông và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Xây dựng phương án phát hành, phương án xử lý cổ phiếu lẻ chi tiết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
 - Quyết định và thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Quyết định và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Quyết định và tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần

từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.2 Cấu phần 2: Phương án phát hành 59.400.000 cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động của SeABank năm 2022 (“Phương án phát hành ESOP năm 2022”).

- a. Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- b. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 59.400.000 cổ phiếu.
- c. Tổng giá trị theo mệnh giá dự kiến phát hành: 594.000.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi bốn tỷ đồng*).
- d. Tổng số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 594.000.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi bốn tỷ đồng*).
- e. Tỷ lệ cổ phiếu phát hành/Số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại: 3,5787%
- f. Đối tượng được mua: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Cán bộ Quản lý, Cán bộ nhân viên của SeABank và các công ty con của SeABank (sau đây gọi chung là “Người lao động”) theo danh sách và tiêu chí do HĐQT quyết định. Người lao động mua cổ phiếu theo Phương án phát hành ESOP năm 2022 không được hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án phát hành tại Cấu phần 1 (Mục 2.1).
- g. Giá phát hành: Nhằm thu hút và gắn kết Người lao động với sự phát triển của SeABank, Đại hội đồng cổ đông giao và HĐQT có trách nhiệm quyết định mức giá bán cụ thể cho Người lao động nhưng không thấp hơn mức giá trị sổ sách của SeABank tại 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán (là 12.220 đồng/cổ phiếu).
- h. Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu được chào bán cho Người lao động theo Phương án phát hành ESOP năm 2022 bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành. Giao HĐQT quyết định các điều kiện, thời gian hạn chế chuyển nhượng phù hợp với chính sách nhân sự trong từng thời kỳ.
- i. Phương án xử lý cổ phần chưa chào bán hết: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với các quy định của Pháp luật và SeABank.
- j. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Theo quy định của Pháp luật và/hoặc quy định của SeABank.
- k. Thời điểm phát hành: Giao HĐQT quyết định thời gian thực hiện cụ thể phù hợp với tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- l. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2022, phù hợp quyết định của HĐQT theo tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- m. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Số tiền thu được từ Phương án phát hành ESOP năm 2022 được sử dụng để cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, cá nhân; đầu tư giấy tờ có giá; đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng,... Giao HĐQT quyết định và/hoặc điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

n. Đại hội đồng cổ đông giao và HĐQT có trách nhiệm thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không hạn chế:

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các nội dung chi tiết của Chương trình Phương án phát hành ESOP năm 2022 và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để triển khai Phương án phát hành ESOP năm 2022;
- Quyết định tiêu chuẩn và danh sách Người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện;
- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo Chương trình này, nguyên tắc làm tròn, nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có) và phương án xử lý số cổ phần chưa chào bán hết đảm bảo số lượng tối đa không vượt quá 59.400.000 cổ phiếu;
- Quyết định mức giá bán dành cho từng nhóm đối tượng Người lao động;
- Quyết định phê duyệt triển khai phương án, các thỏa thuận, các điều kiện cam kết của Người lao động khi tham gia Chương trình này;
- Quyết định thời điểm phát hành phù hợp với kế hoạch phát hành cổ phiếu của SeABank trong năm 2022;
- Quyết định về hình thức mua lại cổ phiếu của Người lao động tham gia Chương trình này, bao gồm nhưng không giới hạn việc: Giao Công đoàn SeABank Hội sở mua lại; đại diện, quản lý toàn bộ số cổ phiếu mua lại của Người lao động theo Chương trình này để làm nguồn cổ phiếu thưởng cho Người lao động SeABank theo chính sách nhân sự trong từng thời kỳ; Nguồn tiền mà Công đoàn SeABank Hội sở sử dụng để mua lại;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Phương án phát hành ESOP năm 2022;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án phát hành ESOP năm 2022;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án phát hành ESOP năm 2022;
- Quyết định, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế;
- Quyết định và tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án phát hành ESOP năm 2022 theo quy định của pháp luật hoặc yêu Cầu Nhà nước có thẩm quyền.

2.3 Cấu phần 3: Phương án chào bán riêng lẻ 228.700.000 cổ phiếu (“Phương án chào bán riêng lẻ”)

a. Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

- b. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 228.700.000 cổ phiếu. (Số cổ phiếu này có thể được chia thành nhiều đợt chào bán và tổng số lượng cổ phiếu chào bán của các đợt sẽ không vượt quá 228.700.000 cổ phiếu).
- c. Tổng giá trị theo mệnh giá dự kiến chào bán: 2.287.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ đồng).
- d. Tổng số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 2.287.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ đồng).
- e. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán /Số cổ phần đang lưu hành hiện tại: 13,7787%.
- Tỷ lệ cổ phiếu chào bán /Số cổ phần đang lưu hành dự kiến tại thời điểm chào bán: 11,2091%.
- f. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- g. Số lượng nhà đầu tư dự kiến: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư.
- h. Đối tượng được mua: Nhà đầu tư tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank và có tỷ lệ sở hữu cổ phần sau đợt phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật.
- i. Tiêu chí lựa chọn:
- (i) Đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức/cá nhân trong nước: là các nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, bao gồm:
- Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức kinh doanh bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức tài chính quốc tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức tài chính nhà nước được mua chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - Công ty có vốn điều lệ đã góp đạt trên 100 tỷ đồng hoặc tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
 - Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - Cá nhân nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng theo xác nhận của công ty chứng khoán tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - Cá nhân có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 01 tỷ đồng tính đến thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế hoặc chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân chi trả.
- (ii) Đối với Nhà đầu tư chiến lược là tổ chức/cá nhân trong nước: nhà đầu tư có năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với SeABank trong thời gian ít nhất 03 năm.

(iii) Đối với Nhà đầu tư là tổ chức/cá nhân nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu dưới 10% vốn điều lệ (tính trên số vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán): Các tiêu chí đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Nhà đầu tư chiến lược giống với các tiêu chí áp dụng cho các nhà đầu tư trong nước đã nêu tại mục (i) và (ii) của điểm này.

(iv) Đối với Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên (tính trên số vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành): Các tiêu chí đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và Nhà đầu tư chiến lược giống với các tiêu chí áp dụng cho các nhà đầu tư trong nước đã nêu tại mục (i) và (ii) của điểm này. Ngoài ra, Nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện đối với tổ chức nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng Việt Nam trở lên, bao gồm:

- Được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có uy tín xếp hạng từ mức ổn định hoặc tương đương trở lên.
- Có đủ nguồn tài chính để mua cổ phần được xác định theo báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập năm liền kề trước năm nộp hồ sơ và nguồn vốn mua cổ phần hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Việc mua cổ phần không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh trong hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Không vi phạm nghiêm trọng pháp luật về tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính và Việt Nam trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ mua cổ phần.
- Có tổng tài sản tối thiểu tương đương 10 tỷ đô la Mỹ đối với nhà đầu tư nước ngoài là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính hoặc có mức vốn điều lệ tối thiểu tương đương 1 tỷ đô la Mỹ đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức khác vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ mua cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định tiêu chí lựa chọn cụ thể, số lượng nhà đầu tư Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, danh sách cụ thể, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

j. Giá chào bán dự kiến: Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT đàm phán và quyết định mức giá bán cụ thể cho các Nhà đầu tư trong một đợt và/hoặc từng đợt chào bán theo nguyên tắc: không thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phần Ngân hàng tại 31/12/2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán (là 12.220 đồng/cổ phiếu).

k. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Giao Hội đồng quản trị quyết định theo tình hình thực tế triển khai.

l. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật tại thời điểm chào bán, tối thiểu 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giao Hội đồng quản trị quyết định thời gian hạn chế cụ thể của từng đối tượng khi triển khai chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và quá trình đàm phán, thỏa thuận với các nhà đầu tư.

m. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Theo quy định của Pháp luật.

n. Các đợt dự kiến phát hành và phương án phát hành cho từng đợt: Phương án chào bán riêng lẻ có thể chia thành nhiều Đợt chào bán riêng lẻ.

Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định việc thực hiện Phương án chào bán riêng lẻ thành một hoặc nhiều Đợt chào bán riêng lẻ, số lượng cổ phần chào bán của từng đợt với điều kiện tổng số lượng cổ phần phát hành của tất cả các đợt không vượt quá 228.700.000 cổ phần và đảm bảo khoảng cách giữa các đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

o. Thời điểm phát hành: Trong năm 2022 và 2023, sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu theo Cấu phần 1 và Cấu phần 2 của Phương án tăng vốn này.

Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định thời gian thực hiện Phương án chào bán riêng lẻ và/hoặc thời gian thực hiện từng Đợt chào bán riêng lẻ phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

p. Thời gian dự kiến hoàn thành: Trong năm 2022-2023.

q. Phương án sử dụng vốn thu được từ Phương án chào bán riêng lẻ: Số tiền thu được từ Phương án chào bán riêng lẻ được sử dụng để cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, cá nhân; đầu tư giấy tờ có giá; đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng,... Giao HĐQT quyết định và/hoặc điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

r. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai phương án chào bán đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SeABank sau đợt chào bán không vượt quá mức tỷ lệ quy định tại Điều lệ SeABank và các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm chào bán.

s. Nội dung khác: những cá nhân/tổ chức có quyền lợi liên quan đến Phương án chào bán riêng lẻ này không được tham gia biểu quyết.

t. Đại hội đồng cổ đông giao và HĐQT có trách nhiệm thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không hạn chế:

- Tính toán số liệu, xây dựng và quyết định phương án tăng vốn chi tiết, lập hồ sơ báo cáo phát hành và thực hiện các thủ tục xin chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện Phương án chào bán riêng lẻ hoặc từng Đợt chào bán riêng lẻ theo Quyết định của HĐQT;
- Quyết định, lựa chọn danh sách các nhà đầu tư; thực hiện đàm phán, quyết định số lượng cổ phần chào bán, mức giá chào bán cho từng nhà đầu tư trong từng Đợt chào bán riêng lẻ và ký kết các hợp đồng/văn bản có liên quan với các nhà đầu tư;
- Quyết định thời gian thực hiện, phương thức và giá bán cổ phần cụ thể của từng Đợt chào bán riêng lẻ đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát hành cổ phiếu của SeABank trong năm 2022, phù hợp với quy định của Pháp luật, SeABank và diễn biến thị trường tại thời điểm phát hành.

- Quyết định và thực hiện các thủ tục để điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, Giấy phép hoạt động và Điều lệ ngân hàng sau khi hoàn thành Phương án chào bán riêng lẻ hoặc từng Đợt chào bán riêng lẻ;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành Phương án chào bán riêng lẻ hoặc từng Đợt chào bán riêng lẻ;
- Lựa chọn công ty Chứng khoán làm đại lý thực hiện giao dịch (nếu cần);
- Quyết định và tiến hành các công việc, thủ tục có liên quan khác để thực hiện Phương án chào bán riêng lẻ hoặc từng Đợt chào bán riêng lẻ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.4 Trong trường hợp xét thấy việc triển khai Phương án chào bán riêng lẻ tại Cấu phần 3 Mục 2.3 nêu trên không khả thi, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và giao HĐQT quyết định triển khai Phương án chào bán 228.700.000 cổ phiếu với các nội dung như sau:

2.4.1. Thông qua Phương án chào bán 228.700.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (“Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu”) thay thế cho Phương án chào bán riêng lẻ 228.700.000 cổ phiếu (Cấu phần 3) tại Mục 2.3 nêu trên trong trường hợp HĐQT xét thấy việc triển khai Cấu phần 3 không khả thi.

2.4.2. Thông qua phương án chào bán 228.700.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong trường hợp thay thế Phương án chào bán riêng lẻ 228.700.000 cổ phiếu như sau:

- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 228.700.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị theo mệnh giá dự kiến chào bán: 2.287.000.000.000 đồng (*Hai nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ đồng*)
- Tổng số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 2.287.000.000.000 đồng (*Hai nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ đồng*)
- Tỷ lệ cổ phiếu chào bán /Số cổ phần đang lưu hành hiện tại: 13,7787%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Giao Hội đồng quản trị xác định tại thời điểm triển khai thực hiện chào bán.
- Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng được mua: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của SeABank tại thời điểm chốt danh sách hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.
- Giá chào bán: Giao HĐQT quyết định tuy nhiên không thấp hơn giá trị sổ sách của SeABank tại thời điểm 31/12/2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán (là 12.220 đồng/cổ phiếu).

- j. Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phần phát hành thêm hoặc mua thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.
- k. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba).
- l. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa chào bán hết: Giao Hội đồng Quản trị quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán theo nguyên tắc không ưu đãi hơn so với giá đã phát hành cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định.
- Việc xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, Điều 55 Luật số 47/2010/QH12 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- m. Các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng đối tượng: Theo quy định của Pháp luật.
- n. Thời điểm phát hành: Giai đoạn năm 2022 - 2023 theo quyết định của HĐQT, phù hợp với tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Tùy tình hình thực tế triển khai, ĐHĐCĐ giao HĐQT SeABank quyết định việc triển khai Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu đồng thời với Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (Cấu phần 1 – Mục 2.1) hoặc việc triển khai Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi đã thực hiện Phương án phát hành ESOP năm 2022 (Cấu phần 2 - Mục 2.2).
- o. Thời gian dự kiến hoàn thành: Giai đoạn năm 2022 - 2023 theo quyết định của HĐQT, phù hợp với tình hình thực tế và phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- p. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp, cá nhân; đầu tư giấy tờ có giá; đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng,... Giao HĐQT quyết định và/hoặc điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.
- q. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức triển khai phương án chào bán đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của SeABank sau đợt chào bán không vượt quá mức tỷ lệ quy định tại Điều lệ SeABank và các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm chào bán.
- r. Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định/ phê duyệt, tổ chức triển khai và ký các văn bản, tài liệu, hồ sơ (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung, thay thế, điều chỉnh) để triển khai Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc/ nội dung sau:
- Quyết định thời điểm triển khai;

- Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh nội dung Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của SeABank;
- Quyết định và thực hiện tất cả các thủ tục để triển khai Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và/hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật;
- Sửa đổi, bổ sung, ban hành nội dung về Vốn Điều lệ tại Điều lệ của Ngân hàng theo mức vốn điều lệ phát hành thành công thực tế;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động tại Ngân hàng Nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần của SeABank tại Cơ quan Đăng ký kinh doanh theo mức vốn điều lệ phát hành thành công thực tế;
- Quyết định và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh phù hợp với mức vốn điều lệ phát hành thành công thực tế;
- Quyết định và thực hiện các công việc khác có liên quan và cần thiết (nếu có) để hoàn thành Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu theo quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực tế triển khai tăng Vốn điều lệ của SeABank.

3. Thông tin cổ đông dự kiến:

Thông tin Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm.

4. Mức độ pha loãng của cổ phiếu phát hành:

Phương án phát hành để tăng vốn điều lệ trên sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- *Pha loãng về giá tham chiếu*

+ Đối với Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu SSB tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_1 = \frac{P}{1 + I}$$

Trong đó:

P_1 : Giá tham chiếu của cổ phiếu SSB tại ngày giao dịch không hưởng quyền

P: Giá đóng cửa của cổ phiếu SSB tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I: Tỷ lệ phát hành cổ phiếu trả cổ tức hoặc tỷ lệ phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

+ Đối với Phương án phát hành ESOP năm 2022 và Phương án chào bán riêng lẻ: không điều chỉnh giá tham chiếu.

+ Đối với Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong trường hợp triển khai thay thế Phương án chào bán riêng lẻ): Trừ trường hợp giá phát hành lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có), tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (Ngày giao dịch không hưởng quyền), giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_r)}{1 + I}$$

Trong đó:

+ P_{tc} : giá tham chiếu của cổ phiếu SeABank trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới để tăng vốn

+ PR_{t-1} : giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền

+ P_r : giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

+ I : tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- ***Pha loãng về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)***

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SeABank dẫn tới sự pha loãng giá trị cổ phiếu.

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của SeABank được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

- ***Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)***

Công thức tính:

$$BVPS = \frac{\text{Giá trị vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần đang lưu hành sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông.

+ Việc SeABank thực hiện phát hành 211.400.000 cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành 109.700.000 cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu sẽ không pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông.

+ Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm xuống (pha loãng) khi SeABank thực hiện phát hành 59.400.000 cổ phiếu theo Phương án phát hành ESOP năm 2022 (tương đương tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 3,5787%) và chào bán 228.700.000 cổ phiếu theo Phương án chào bán riêng lẻ (tương đương tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/Số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 13,7787%)

+ Trường hợp SeABank triển khai Phương án chào bán 228.700.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thay thế Phương án chào bán riêng lẻ: rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi cổ đông từ chối thực hiện quyền mua cổ phiếu, khi đó tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống.

5. Các quy định khác

Việc tăng vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu mới đảm bảo chấp hành đúng các quy định về tỷ lệ góp vốn của các cổ đông, các giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Thời gian hoàn thành việc tăng vốn: Dự kiến trong năm 2022-2023 và/hoặc thời điểm khác phù hợp theo quyết định của HĐQT và chấp thuận của các Cơ quan có thẩm quyền.

III. Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức vốn điều lệ mới

Theo kế hoạch tăng vốn lên 22.690.000.000.000 đồng, SeABank dự kiến một số chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2022 (*) như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
A	Tổng tài sản	211.663.515	232.888.668
1	Tiền mặt, vàng bạc đá quý	1.076.028	1.183.631
2	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.799.360	5.279.296
3	Tiền, vàng gửi tại TCTD khác và cho vay các TCTD khác	42.590.477	37.755.968
4	Chứng khoán kinh doanh	13.082.630	15.082.630
5	Cho vay khách hàng	125.806.542	146.856.542
-	<i>Trong đó: Số dư cho vay</i>	<i>127.588.159</i>	<i>149.588.159</i>
-	<i>Dự phòng rủi ro</i>	<i>(1.781.617)</i>	<i>(2.731.617)</i>
6	Chứng khoán đầu tư	16.819.782	18.769.782

-	Trong đó: Số dư chứng khoán đầu tư	16.863.108	18.863.108
-	Dự phòng rủi ro	(43.326)	(93.326)
7	Góp vốn, đầu tư dài hạn	85.091	85.091
8	Tài sản cố định	882.503	1.031.849
9	Bất động sản đầu tư	65.564	65.564
8	Tài sản có khác	6.455.538	6.778.315
B	Nợ phải trả	193.000.251	203.926.398
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.172.763	2.172.763
2	Tiền gửi và vay TCTD khác	58.365.998	53.591.804
3	Tiền gửi của khách hàng	109.784.637	117.784.637
4	Công cụ tài chính phái sinh	47.804	47.804
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.020	1.020
6	Phát hành giấy tờ có giá	19.053.200	26.574.800
7	Các khoản nợ khác	3.574.829	3.753.570
C	Vốn Chủ sở hữu & các quỹ	18.663.264	28.962.270
2.1	Vốn của TCTD	15.595.507	24.401.880
-	Vốn điều lệ	14.784.884	22.690.000
-	Thặng dư	810.623	1.711.880
2.2	Quỹ của TCTD	855.641	1.152.686
2.3	Lợi nhuận chưa phân phối	2.212.116	3.407.704
C	Lợi nhuận trước thuế	3.268.538	4.866.666
D	Lợi nhuận sau thuế	2.606.518	3.893.633

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch được dự kiến trên cơ sở các giả định sau:

- Mức giá chào bán theo Phương án phát hành ESOP năm 2022 là 15.000 đồng/cổ phiếu;
- Mức giá chào bán theo Phương án chào bán riêng lẻ hoặc Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu tối thiểu theo giá trị sổ sách tại BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021;
- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được điều chỉnh phù hợp với giới hạn tăng trưởng tín dụng của SeABank theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

Trên cơ sở dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng của SeABank như sau:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ ($\geq 9\%$)	11,07%	$\geq 9\%$
2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất ($\geq 9\%$)	11,50%	$\geq 9\%$

3	Tỷ lệ nợ xấu ($\leq 3\%$)	1,65%	$\leq 3\%$
4	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản ($\geq 10\%$)	11,74%	$\geq 10\%$
5	Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn ($\leq 45\%$, năm 2019 yêu cầu $\leq 40\%$)	22,80%	$\leq 45\%$
6	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu CP so với nguồn vốn ngắn hạn ($\leq 35\%$)	16,55%	$\leq 35\%$

IV. Tính khả thi của phương án tăng vốn điều lệ

1. Về nguồn vốn để tăng vốn điều lệ

SeABank sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối, các Quỹ để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, người lao động của SeABank và/hoặc các cá nhân, tổ chức có tiềm lực tài chính và đủ điều kiện trở thành cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và của SeABank tại thời điểm chào bán.

2. Về khả năng quản trị điều hành, năng lực quản lý, giám sát của SeABank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng vốn điều lệ mới

2.1 HĐQT SeABank nhiệm kỳ 2018-2023 hiện có 08 thành viên trong đó có 02 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT của SeABank đều đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, là các cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn cao, tất cả đều tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học, là những cá nhân có nhiều kinh nghiệm quản trị trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, có tầm nhìn chiến lược, có tinh thần đoàn kết, có tâm huyết. Các thành viên HĐQT SeABank đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác quản trị hoạt động, góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của SeABank.

2.2 Ban Tổng Giám đốc của SeABank hiện nay có 10 thành viên và là những cá nhân giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách nói riêng và ngành ngân hàng nói chung. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có khả năng và kinh nghiệm quản trị điều hành, đã gắn bó lâu dài với SeABank và tâm huyết với công việc. Trong công tác, các thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn nhanh chóng nắm bắt cũng như thực hiện đúng và triển khai hiệu quả các định hướng, chiến lược, kế hoạch của HĐQT, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, hiệu quả và có sự phối hợp thường xuyên giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong mỗi hoạt động. Bên cạnh đó, sự tham gia thường xuyên của các thành viên HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng là một yếu tố giúp SeABank hoạt động an toàn, hiệu quả.

2.3 SeABank đã xây dựng và kiện toàn được hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh từ cấp cơ sở đến Hội sở thông qua việc ban hành hệ thống các quy định, quy trình, quy chế toàn diện, thống nhất, đồng bộ. Trong đó, Khối Pháp chế và Tuân thủ tại Hội sở là đơn vị đầu mối, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm soát nội bộ. Khối Pháp chế và Tuân thủ bao gồm Tuân Thủ và Pháp chế chia theo khu vực quản lý. Tại Tuân thủ được chia thành các mảng kiểm soát theo nghiệp vụ như bộ phận kiểm soát tín dụng, bộ phận kiểm soát tuân thủ kế toán tài chính, ngân quỹ ... nhằm chuyên môn hóa hoạt động kiểm soát tuân thủ theo từng lĩnh vực hoạt động và từng khu vực của SeABank.

2.4 SeABank đã thành lập và đưa vào hoạt động Khối Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc từ năm 2008 dưới sự tư vấn của cố đồng chiến lược nước ngoài. Khối Quản trị rủi ro hiện đã được cơ cấu lại và thành lập mới trên cơ sở Khối Tín dụng và Quản trị rủi ro nhằm phù hợp với yêu cầu thực tế hoạt động của SeABank. SeABank cũng thành lập

Ban Dự án Basel II trực thuộc Khối này là đầu mối nghiên cứu, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc để triển khai áp dụng Basel II trên toàn hệ thống. Năm 2019, SeABank đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt áp dụng trước thời hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN - trụ cột 1 (yêu cầu vốn tối thiểu) và trụ cột 3 (nguyên tắc thị trường) của Basel II. Bước sang năm 2020, SeABank tiếp tục hoàn thành Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) - trụ cột 2 của Basel II. Qua đó, SeABank trở thành ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành đủ cả 3 trụ cột theo Basel II trước thời hạn vào tháng 6/2020.

2.5 Phòng Kiểm toán nội bộ đã được SeABank thành lập từ năm 2006 trên cơ sở tái cấu trúc từ Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát và đã được cơ cấu lại theo đúng yêu cầu tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Thống đốc NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (sau đây gọi chung là Thông tư 13). Đơn vị này thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền nhằm rà soát, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập và đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ góp phần đảm bảo an toàn chung trong hoạt động ngân hàng. Đồng thời, SeABank cũng đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và Quy trình kiểm toán nội bộ mới theo Thông tư 13.

2.6 SeABank đã đầu tư mới hệ thống phần mềm quản trị lõi T24 của Thụy Sĩ và đã sử dụng ổn định từ năm 2006. Năm 2019, SeABank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam nâng cấp thành công phần mềm quản trị lõi ngân hàng T24 Temenos lên phiên bản R18 - phiên bản hiện đại nhất thế giới hiện nay với nhiều tính năng quan trọng. Việc nâng cấp cũng giúp cập nhật công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, tốc độ vận hành của hệ thống. Đây là cơ sở nền tảng của việc tạo ra các dịch vụ ngân hàng hiện đại, chính xác, tự động, trực tuyến, có nhiều giá trị cho khách hàng khi đồng thời cho phép SeABank có được các công cụ tiên tiến, tự động và đa chiều trong việc quản trị khách hàng, quản trị rủi ro. Ngoài ra một tính năng nổi trội khác của T24 là việc hỗ trợ thực hiện giao dịch qua hệ thống 24h/ngày (Non-stop), xóa bỏ tình trạng giao dịch qua hệ thống bị ngừng trệ trong thời gian quyết toán theo phương thức khóa ngày truyền thống. Với Non-stop, nhân viên và khách hàng có thể truy cập vào hệ thống vào mọi thời điểm trong ngày. Bên cạnh đó, công nghệ điện toán đám mây hiện đại bậc nhất hiện nay đã được áp dụng tại SeABank cho phép Khối Quản lý rủi ro, Khối Pháp chế và Tuân thủ theo dõi, giám sát tập trung các hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch trên toàn hệ thống.. SeABank đã được cấp Chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam. Tiêu chuẩn PCI DSS do Hội đồng Tiêu chuẩn Bảo mật – SSC (Security Standards Council) thiết lập dành cho thẻ thanh toán. Tham gia Hội đồng là các tổ chức thẻ quốc tế lớn trên thế giới như: Visa, MasterCard, American Express (AMEX), Discover Financial Services, JCB International... Để đạt được tiêu chuẩn PCI DSS, các đơn vị cần đáp ứng 12 yêu cầu khắt khe dành cho hệ thống. Đó là các yêu cầu về chính sách an ninh thông tin, quy trình xử lý dữ liệu, cấu trúc mạng máy tính... nhằm đảm bảo an toàn cho dữ liệu thẻ trong suốt quá trình xử lý và lưu trữ tại các ngân hàng hoặc các đơn vị có chức năng thanh toán trực tuyến. Qua đó, các đơn vị hạn chế được các lỗ hổng bảo mật và rủi ro bị đánh cắp thông tin, đồng thời tăng cường bảo vệ dữ liệu lưu trên thẻ và giao dịch thanh toán thẻ. Đặc biệt, với các đơn vị đã từng đạt được chứng chỉ PCI DSS, để tiếp tục nhận được chứng chỉ PCI DSS duy trì cần có mức độ đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn so với năm trước.

Như vậy, SeABank hoàn toàn có đủ khả năng quản trị điều hành, năng lực quản lý, giám sát của SeABank đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động khi tăng vốn điều lệ mới.

Để việc tăng vốn điều lệ được thực hiện nhanh chóng, theo đúng tiến độ, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc giao Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau, bao gồm những không hạn chế: (i) quyết định mức tăng vốn cụ thể các từng cấu phần hoặc từng đợt phát hành; (ii) quyết định thời điểm phát hành của từng cấu phần hoặc từng đợt phát hành trên cơ sở phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng vốn của ngân hàng; (iii) quyết định, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ; (iv) quyết định, ký, tổ chức thực hiện các văn bản, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ; (v) quyết định, sửa đổi điều lệ, điều chỉnh giấy phép hoạt động và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần của SeABank theo mức vốn phát hành thành công thực tế; (vi) quyết định và thực hiện mọi thủ tục có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ với Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh các cấp và/hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật; (vii) quyết định và thực hiện các thủ tục để đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; (viii) quyết định và thực hiện các công việc khác có liên quan và cần thiết (nếu có) để hoàn thành Phương án tăng vốn điều lệ theo quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực tế triển khai tăng vốn điều lệ của SeABank. ✓

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

LÊ VĂN TÀN

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 05% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC VÀ SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Dự kiến tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2022)

STT	Họ và tên cổ đồng	MSDN	Địa chỉ trụ sở chính	Người đại diện theo pháp luật	SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC KHI TĂNG VỐN			SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN				
					Số lượng cổ phần từng loại	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VĐL của SeABank	Số lượng cổ phần từng loại			Tổng số cổ phần (*)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VĐL của SeABank
								Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác	Cổ phần ưu đãi biểu quyết		
1	Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ	0103111 713	Số 14 Láng Hạ, Phường Thanh Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nguyễn Thị Nga	86.591.636	0	5,857%	103.343.307	0	0	103.343.307	4,555%

(*) Sau khi tăng vốn, Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ dự kiến có 103.343.307 cổ phần, tương ứng được nhận thêm 11.028.657 cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 12,7364%) và nhận thêm 5.723.014 cổ phiếu phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 6,6092%). Số cổ phần sau khi tăng vốn của Công Ty TNHH Phát Triển và Đầu Tư Phú Mỹ chưa tính đến số lượng cổ phiếu có thể phát sinh theo Phương án chào bán riêng lẻ hoặc Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu.

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC VÀ SAU KHI TĂNG VỐN

(Dự kiến tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2022)

Họ và tên cổ đồng	MSDN	Địa chỉ trụ sở chính	SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC KHI TĂNG VỐN				SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG VỐN			
			Số lượng cổ phần từng loại			Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VDL của SeABank	Tổng số cổ phần	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VDL của SeABank
			Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác					
Không phát sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VDL của SeABank	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	Cổ phần ưu đãi khác	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ VDL của SeABank



